

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đvt: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	43.817.235	43.578.235	253.794.680	253.450.352	579,21	581,60
I	Các khoản thu 100%	2.237.126	2.237.126	1.965.118	1.965.118	87,84	87,84
1	Phí, lệ phí	165.000	165.000	208.814	208.814	126,55	126,55
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	429.000	429.000	383.655	383.655	89,43	89,43
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	32.000	32.000	21.725	21.725	67,89	67,89
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	627.126	627.126	627.126	627.126	100,00	100,00
8	Thu khác	619.000	619.000	257.128	257.128	41,54	41,54
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	280.000	280.000	363.470	363.470	129,81	129,81
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	85.000	85.000	103.200	103.200	121,41	121,41
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất						
15	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.329.000	1.090.000	1.912.935	1.568.607	143,94	143,91
1	Các khoản thu phân chia						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.329.000	1.090.000	1.912.935	1.568.607	143,94	143,91
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	906.000	743.000	1.207.501	990.151	133,28	133,26

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	417.000	342.000	681.493	558.824	163,43	163,40
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.000	5.000	23.941	19.632	399,02	392,64
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	4.497.109	4.497.109	4.649.735	4.649.735	103,39	103,39
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	35.754.000	35.754.000	245.266.892	245.266.892	685,98	685,98
1	Thu bổ sung cân đối	15.121.000	15.121.000	15.121.000	15.121.000	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	20.633.000	20.633.000	230.145.892	230.145.892	1115,43	1115,43